TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2024/HS-ST
Ngày 15-01-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vương Lê Hoàng;

Ông Đỗ Văn Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Nhung, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 94/2023/TLST-HS ngày 24 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 01 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Hồng Văn T, sinh ngày 10 tháng 5 năm 1993 tại huyện L, tỉnh Bắc Giang. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn C, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồng Văn H và bà Hoàng Thị N; có vợ là Đinh Thị X và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị cáo bị tạm giam từ ngày 09-4-2023 đến nay, có mặt.

2. Nguyễn Văn S, sinh ngày 07 tháng 12 năm 1985 tại huyện V, thành phố Hải Phòng. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã H, huyện V, thành phố Hải Phòng. Chỗ ở: Thôn Đ, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không, là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, sinh hoạt tại Chi bộ thôn A, xã H, huyện V, thành phố Hải Phòng, đã đình chỉ sinh hoạt đảng; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S1 và bà Đoàn Thị B; có vợ là Hoàng Thị T và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị cáo bị tạm giam từ ngày 10-4-2023 đến nay, có mặt.

- *Bị hại:* Bà Đặng Việt T, sinh năm 1968; trú tại: Xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Chị Hoàng Thị T, sinh năm: 1987; trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Qua công tác trinh sát, nắm tình hình trên không gian mạng, Phòng An ninh mạng và phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao - Công an tỉnh Lạng Sơn (phòng PA05) phát hiện tài khoản số 32810001198687 của Ngân hàng B có biểu hiện nghi vấn hoạt động lừa đảo trên không gian mạng, kết quả xác minh xác định được chủ tài khoản trên mang tên Nguyễn Văn S, các đối tượng Hồng Văn T và Nguyễn Văn S đã chiếm đoạt 200.000.000 đồng có trong tài khoản nêu trên của bà Đặng Việt T. Xét thấy có dấu hiệu tội phạm nên Phòng PA05 đã ra quyết định khởi tố vụ án và chuyển đến Cơ quan điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn để điều tra theo thẩm quyền.

Kết quả điều tra xác định được: Khoảng tháng 9-2022, Hồng Văn T xuất cảnh sang Campuchia để làm phiên dịch viên cho một công ty Trung Quốc hoạt động về ứng dụng Game online, Casino, tuyển cộng tác viên bán hàng... Khoảng đầu tháng 02-2023, công ty Trung Quốc đặt vấn đề với Hồng Văn T để tìm mua (hoặc thuê) các tài khoản Ngân hàng tại Việt Nam và sẽ trả công cho Hồng Văn T với giá 100USD/01 tài khoản, còn người bán tài khoản sẽ được trả 500.000 đồng/01 tài khoản.

Qua hội nhóm "Thần số học - nhóm bói toán" trên mạng xã hội Facebook, Hồng Văn T có quen biết với Hoàng Thị T. Ngày 07-02-2023, Hồng Văn T đến nhà Hoàng Thị T chơi và gặp Nguyễn Văn S là chồng của Hoàng Thị T. Ngày 08-02-2023, Hồng Văn T thuê Nguyễn Văn S lái ô tô đưa Hồng Văn T đến trung tâm thành phố Hải Phòng, trên đường đi Hồng Văn T đặt vấn đề mua tài khoản Ngân hàng với Nguyễn Văn S thì được Nguyễn Văn S đồng ý. Sau đó, Hồng Văn T mua 01 sim điện thoại có thuê bao số 0522.976.926 đưa cho Nguyễn Văn S để Nguyễn Văn S đi mở tài khoản, Nguyễn Văn S đi vào Ngân hàng B chi nhánh L, thành phố Hải Phòng và sử dụng căn cước công dân của Nguyễn Văn S để đăng ký mở tài khoản số 32810001198687, sử dụng số điện thoại 0522.976.926 để đăng ký ứng dụng Internet banking. Mở tài khoản xong, Nguyễn Văn S cung cấp thông tin về số tài khoản, mật khẩu đăng nhập ứng dụng Internet banking (mã OTP) cho Hồng Văn T và trả lại sim điện thoại cho Hồng Văn T. Sau đó, Hồng Văn T đưa cho Nguyễn Văn S 5.000.000 đồng là tiền thuê xe và tiền mua tài khoản. Các thông tin về tài khoản số 32810001198687, Hồng Văn T đã cung cấp cho phía công ty Trung Quốc thông qua ứng dụng mạng xã hội Telegram để công ty sử dụng, còn sim điện thoại số 0522.976.926 Hồng Văn T cất giữ.

Ngày 28-02-2023, Nguyễn Văn S được một người đàn ông sử dụng mạng Zalo (Nguyễn Văn S không nhớ tên tài khoản) gọi điện cho Nguyễn Văn S tự giới thiệu là cán bộ Công an Hải Phòng, người này thông báo tài khoản Ngân hàng B số 32810001198687 mà Nguyễn Văn S đã đăng ký mang tên Nguyễn Văn S và bán cho Hồng Văn T có vấn đề liên quan đến vi phạm pháp luật, người này hẹn Nguyễn Văn S đến Công an thành phố Hải Phòng làm việc, nhưng do bận việc nên Nguyễn Văn S không đến. Ngày 02-3-2023, Nguyễn Văn S sử dụng số điện thoại 0916.781.330 gọi điện đến số 19009247 của tổng đài Ngân hàng B để báo khóa tài khoản số 32810001198687, nhưng do số điện thoại Nguyễn Văn S dùng để gọi đến Ngân hàng không phải là số điện thoại đã đăng ký tài khoản nên không khóa được tài khoản. Sau đó, Nguyễn Văn S nhắn tin qua mạng Zalo cho Hồng Văn T nói về việc khóa tài khoản nêu trên thì Hồng Văn T bảo Nguyễn Văn S đợi khi Hồng Văn T về Hải Phòng sẽ khóa sau.

Khoảng 17 giờ ngày 03-3-2023, Hồng Văn T và Nguyễn Văn S gặp nhau tại thành phố Hải Phòng, Hồng Văn T đưa cho Nguyễn Văn S điện thoại có gắn sim thuê bao 0522.976.926 để Nguyễn Văn S gọi đến tổng đài Ngân hàng B báo khóa tài khoản. Sau khi khóa tài khoản xong, khoảng 10 phút sau số điện thoại 0522.976.926 có tin nhắn từ Ngân hàng B thông báo có khoản tiền 200.000.000 đồng chuyển đến tài khoản số 32810001198687. Sau đó, phía công ty Trung Quốc có liên lạc với Hồng Văn T hỏi là tại sao tài khoản số 32810001198687 không thể thực hiện lệnh chuyển tiền đi được, Hồng Văn T nói là tài khoản đó đã bị Ngân hàng "đóng băng". Sau đó, Hồng Văn T nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền này nên Hồng Văn T nói với Nguyễn Văn S là trong tài khoản số 32810001198687 có 200.000.000 đồng và bảo Nguyễn Văn S đến Ngân hàng B đổi số điện thoại 0522.976.926 đăng ký sử dụng dịch vụ Internet banking của tài khoản Ngân hàng này sang số điện thoại của Nguyễn Văn S để chiếm quyền sử dụng tài khoản và chiếm đoạt số tiền có trong tài khoản. Ngày 06-3-2023,Nguyễn Văn S đến Ngân hàng B chi nhánh L, thành phố Hải Phòng làm thủ tục đổi số điện thoại Internet banking của tài khoản từ số điện thoại 0522.976.926 sang số điện thoại của Nguyễn Văn S là 0916.781.330.

Sau khi chiếm được quyền sử dụng dịch vụ Internet banking của số tài khoản 32810001198687, trong ngày 06-3-2023, Nguyễn Văn S đã sử dụng dịch vụ Internet banking chuyển số tiền 180.000.000đồng sang tài khoản số 19036828839018 của Nguyễn Văn S mở tại Ngân hàng Techcombank. Sau đó theo yêu cầu của Hồng Văn T, cùng ngày 06/3/2023 Nguyễn Văn S đã chuyển khoản cho Hồng Văn T 100.000.000 đồng vào tài khoản 0822245678 của Ngân hàng V mang tên chủ tài khoản là Hồng Văn T. Số tiền 100.000.000 đồng còn lại trong tài khoản của Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn S đã sử dụng chi tiêu cá nhân (các lần chuyển tiền đều được Nguyễn Văn S thực hiện qua ứng dụng Internet banking cài đặt trên điện thoại di động, Nguyễn Văn S không nhớ các lần chuyển tiền được thực hiện tại địa điểm cụ thể nào).

Về nguồn gốc số tiền 200.000.000 đồng mà các bị cáo đã chiếm đoạt, kết quả điều tra xác định: Ngày 01-3-2023, bà Đặng Việt T nhận được cuộc gọi của

một người từ số điện thoại lạ tự xưng là nhân viên của cửa hàng Điện Máy X, người này nói là bà Đặng Việt T thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi hợp tác với hệ thống của cửa hàng Điện Máy X và yêu cầu bà Đặng Việt T tải 01 ứng dụng để mua và bán hàng. Trong ngày 01, 02-3-2023, bà Đặng Việt T đã chuyển số tiền 17.330.000 đồng đến số tài khoản 0000837431830 mở tại ngân hàng M và được nhận lại số tiền 22.710.000 đồng. Do hám lời nên trong ngày 03, 04-3-2023, bà Đặng Việt T đã nhiều lần chuyển tiền với tổng số tiền 950.000.000 đồng đến số tài khoản 16810000533836 của Ngân hàng B mang tên Nguyễn Hoàng V, nhưng sau đó không được nhận lại tiền như lần trước. Sau đó các đối tượng tiếp tục yêu cầu bà Đặng Việt T nộp tiền với nhiều lý do khác nhau nên bà Đặng Việt T biết mình bị các đối tượng lừa đảo để chiếm đoạt tài sản. Do lo sợ gia đình biết việc mất tiền nên bà Đặng Việt T đã xoá tất cả thông tin liên quan đến việc bị các đối tường lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Trong số các khoản mà bà Đặng Việt T đã chuyển tiền, xác định được thời gian từ 17 giờ 07 phút đến 17 giờ 09 phút ngày 03-3-2023, bà Đặng Việt T đã chuyển số tiền 200.000.000 đồng đến số tài khoản 16810000533836 của Ngân hàng B mang tên Nguyễn Hoàng V, đến 17 giờ 13 phút ngày 03-3-2023, tài khoản mang tên Nguyễn Hoàng V chuyển số tiền 200.000.000 đồng của bà Đặng Việt T đến số tài khoản 32810001198687 mang tên Nguyễn Văn S.

Cáo trạng số 145/CT-VKSLS-P2 ngày 23-11-2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố các bị cáo Hồng Văn T, Nguyễn Văn S về tội Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 290 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa: Các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của bản thân như nội dung cáo trạng truy tố và xin tòa giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại bà Đặng Việt T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt với nội dung giữ nguyên toàn bộ lời khai trong quá trình điều tra. Bà đã được nhận lại số tiền 200.000.000 đồng mà các bị cáo giao nộp để trả cho bà. Quá trình điều tra, bà Đặng Việt T đã có đơn đề nghị xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Hoàng Thị T, vắng mặt tại phiên tòa, chị đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tại cơ quan Điều tra trình chị bày: Chị và Nguyễn Văn S có quan hệ là vợ chồng, khi biết thông tin hành vi của Nguyễn Văn S là vi phạm pháp luật, Nguyễn Văn S đã tác động chị giúp đỡ khắc phục một phần hậu quả. Chị là người đến Công an tỉnh Lạng Sơn tự nguyện giao nộp số tiền 200.000.000 đồng để khắc phục hậu quả bồi thường cho bị hại, trong đó 100.000.000 đồng của Hồng Văn T và 100.000.000 đồng là của Nguyễn Văn S nộp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên bố các bị cáo Hồng

Văn T, Nguyễn Văn S phạm tội Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 290, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Hồng Văn T từ 07 (bảy) năm đến 08 (tám) năm tù;

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 290, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50, Điều 17, Điều 58, Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S từ 05 (năm) năm đến 06 (sáu) năm tù;

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về phần dân sự: Các bị cáo và gia đình đã bồi thường xong cho bị hại, không xem xét xử lý.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, đề nghị: Tịch thu hóa giá, nộp Ngân sách Nhà nước đối với 01 chiếc điện thoại Iphone 7 plus thu giữ của bị cáo Hồng Văn T, 01 điện thoại Iphone 11 promax và 01 điện thoại Xiaomi Poco C40 thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn S do sử dụng vào việc phạm tội; đề nghị trả lại bị cáo Hồng Văn T 01 điện thoại Iphone 11 promax và các giấy tờ cá nhân do không liên quan đến hành vi phạm tội. Tịch thu, tiêu hủy đối với tất cả các thẻ ngân hàng và sim điện thoại đang thu giữ do không còn giá trị sử dụng.

Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Phiên tòa được triệu tập hợp lệ lần thứ nhất, bị hại bà Đặng Việt T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là chị Hoàng Thị T đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy việc vắng mặt của bà Đặng Việt T và chị Hoàng Thị T không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015 Tòa án tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt những người có tên trên.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có căn cứ xác định: Trong khoảng thời gian tháng 02, tháng 3-2023, theo yêu cầu của Hồng Văn T về việc thu thập và bán tài khoản Ngân hàng cho công ty Trung

Quốc đặt tại Campuchia, Nguyễn Văn S đã đăng ký tài khoản Ngân hàng mang tên mình rồi chuyển thông tin tài khoản cho Hồng Văn T để Hồng Văn T bán cho công ty Trung Quốc. Sau khi đã bán tài khoản, các bị cáo đã có thủ đoạn khóa tài khoản, chiếm quyền sử dụng tài khoản và chiếm đoạt 200.000.000 đồng có trong tài khoản. Xác định đây là số tiền của bà Đặng Việt T đã chuyển đến số tài khoản 16810000533836 của Ngân hàng B mang tên Nguyễn Hoàng V, sau đó được số tiền 200.000.000 đồng được chuyển tiếp đến số tài khoản 32810001198687 mang tên Nguyễn Văn S. Do đó, có đủ cơ sở để kết luận các bị cáo Hồng Văn T, Nguyễn Văn S phạm tội Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 290 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Vì vậy, việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội không những xâm phạm đến chế độ quản lý an ninh mạng, gây ảnh hưởng đến hoạt động của tổ chức tín dụng và trật tự quản lý kinh tế của nhà nước Việt Nam trong lĩnh vực tài chính mà còn xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác. Bản thân các bị cáo đều nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm. Hành vi phạm tội của các bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương, gây hoang mang lo lắng trong dư luận quần chúng nhân dân. Vì vậy, hành vi của các bị cáo cần phải được xét xử nghiêm minh trước pháp luật.

[5] Đây là vụ án mang tính chất đồng phạm giản đơn, để cá thể hóa hình phạt, Hội đồng xét xử sẽ xem xét, đánh giá nhân thân, vai trò và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với từng bị cáo để xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà từng bị cáo đã gây ra.

[6] Về vai trò: Bị cáo Hồng Văn T là người đặt vấn đề mua tài khoản với bị cáo Nguyễn Văn S, sau khi biết trong tài khoản do Nguyễn Văn S mở có 200.000.000 đồng thì Hồng Văn T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt và bảo Nguyễn Văn S đổi số điện thoại đăng ký sử dụng dịch vụ Internet banking của tài khoản Ngân hàng này sang số điện thoại của Nguyễn Văn S để chiếm quyền sử dụng tài khoản và chiếm đoạt số tiền có trong tài khoản. Do đó, bị cáo Hồng Văn T có vai trò cao hơn bị cáo Nguyễn Văn S, bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội vai trò giúp sức, thứ yếu.

[7] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này thì đều chưa từng bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo đều thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải, các bị cáo và gia đình đã bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt của bà Đặng Việt T; trong quá trình điều tra, bị hại bà Đặng Việt T đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Hồng Văn T, Nguyễn Văn S. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo Hồng Văn T và bị cáo Nguyễn Văn S được

hưởng theo quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo Hồng Văn T, Nguyễn Văn S có hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, do đó có căn cứ áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo, xử phạt các bị cáo dưới mức khởi điểm của khung hình phạt cũng đủ tính trừng trị, giáo dục các bị cáo, thể hiện tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

[8] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, đảm bảo tính răn đe, phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[9] Về áp dụng hình phạt bổ sung: Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện các bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[10] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Quá trình điều tra, các bị cáo và gia đình đã bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho bị hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Về xử lý vật chứng: Cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Cần tịch thu, tiêu hủy đối với 01 sim điện thoại và các thẻ ngân hàng mang tên các bị cáo do không còn giá trị sử dụng; tịch thu, hóa giá, nộp Ngân sách Nhà nước đối với 01 chiếc điện thoại Iphone 7 plus thu giữ của bị cáo Hồng Văn T, 01 điện thoại Iphone 11 promax và 01 điện thoại Xiaomi Poco C40 thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn S do sử dụng vào việc phạm tội; trả lại cho bị cáo Hồng Văn T 01 điện thoại Iphone 11 promax và các giấy tờ cá nhân do không liên quan đến hành vi phạm tội. Đối với thẻ ngân hàng mang tên HOANG THỊ THAO cần trả lại cho chị Hoàng Thị T do không liên quan đến hành vi phạm tội.

[12] Đối với số tài khoản 16810000533836 đã nhận tiền và chuyển tiền chiếm đoạt của bà Đặng Việt T: Qua tra cứu tại ngân hàng B xác định chủ tài khoản là Nguyễn Hoàng V - sinh năm 1991; Nơi ĐKHKTT: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; chỗ ở hiện nay: LO Y CC NGUYEN THIEN T, phường 1, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh. Cơ quan Điều tra đã xác minh tại các địa chỉ trên không có ai tên là Nguyễn Hoàng V. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[13] Theo đề nghị của Hồng Văn T, trong thời gian tháng 02, tháng 3-2023, Nguyễn Văn S đã nhờ nhiều người thân trong gia đình và bạn bè lập nhiều tài khoản tại nhiều Ngân hàng trên địa bàn thành phố Hải Phòng với mục đích để bán hoặc cho bị cáo Hồng Văn T thuê tài khoản. Những tài khoản do các cá nhân cung cấp Nguyễn Văn S lập danh sách lên giấy, chụp ảnh lại rồi gửi qua mạng xã hội cho Hồng Văn T biết. Qua tra cứu tại các ngân hàng theo danh sách các tài khoản của Nguyễn Văn S cho thấy có 08 tài khoản ngân hàng đã được đăng ký tại các hệ thống Ngân hàng, trong đó chỉ có 01 tài khoản Ngân hàng có phát sinh giao dịch mà các bị cáo đã chiếm đoạt tiền nêu ở trên. Xét thấy hành vi

thu thập, cho thuê, mua bán tài khoản của các bị cáo chưa tới mức để truy cứu trách nhiệm hình sự, Cơ quan điều tra không xử lý là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[14] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn, ý kiến nào phù hợp với nhận định trên thì được chấp nhận, ý kiến nào không phù hợp với nhận định trên thì không được chấp nhận.

[15] Về án phí: Các bị cáo Hồng Văn T, Nguyễn Văn S mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, sung ngân sách Nhà nước.

[16] Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 290, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58, Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị các bị cáo Hồng Văn T, Nguyễn Văn S.

Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 106, khoản 1, 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội Khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Hồng Văn T, Nguyễn Văn S phạm tội Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản.

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Hồng Văn T 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 09-4-2023.

2.2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 10-4-2023.

3. Về xử lý vật chứng:

3. 1. Tịch thu, tiêu hủy:

- 01 (một) Thẻ sim điện thoại trên sim có dãy số 8985508210003542796.

- 01 (một) Thẻ Ngân hàng V1, số thẻ 4524041815530319 mang tên HONG VAN T.

- 01 (một) Thẻ Ngân hàng T, số thẻ: 4665849013550494 mang tên HONG VAN T.

- 01 (một) Thẻ Ngân hàng A, số thẻ: 9704162474284484 mang tên HONG VAN T.

- 01 (một) Thẻ Ngân hàng A1 Bank, số thẻ: 4585140013377394 mang tên HONG VAN T.

- 01 (một) Thẻ napas của Ngân hàng T, số thẻ 9704079937445330 mang tên NGUYEN VAN S.

- 01 (một) Thẻ Visa của Ngân hàng S, số thẻ: 4536180043878896 mang tên NGUYEN VAN S.

3.2. Tịch thu, hóa giá để nộp ngân sách Nhà nước:

- 01 (một) Điện thoại di động nhãn hiệu iphone 7 plus đã qua sử dụng, màu đen, số IMEI: 355375080814400, bên trong gắn 01 (một) sim điện thoại di động mạng Viettel.

- 01 (một) Điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 promax đã qua sử dụng màu xám, số IMEI1: 353922100690419, số IMEI2: 353922100660859. Bên trong gắn 01 (một) sim điện thoại di động của nhà mạng Viettel số thuê bao 0985.957.012.

- 01 (một) Điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Poco C40 đã qua sử dụng, bị vỡ màn hình, màu xanh, số IMEI1: 862598051286847, số IMEI2 862598051286854. Bên trong gắn 01 (một) sim điện thoại di động của nhà mạng Vinaphone số thuê bao 0916.781.330.

3.3. Trả lại cho bị cáo Hồng Văn T:

- 01 (một) Điện thoại di động nhãn hiệu iphone 11 promax đã qua sử dụng, màu vàng đồng, số IMEI: 353954103965894; IMEI2: 353954104038931, bên trong gắn 01 (một) sim điện thoại di động mạng Vinaphone.

- 01 (một) Hộ chiếu số C9352033 mang tên HỒNG VĂN T, ngày sinh: 10/5/1993, cấp ngày 29/12/2020, nơi cấp: Cục Quản lý xuất nhập cảnh

- 01 (một) Căn cước công dân số 024093009654 mang tên HỒNG VĂN T, ngày sinh 10/5/1993, cấp ngày 29/11/2022, nơi cấp: Cục Quản lý hành chính về trật tự xã hội.

3.4. Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Hoàng Thị T: 01 (một) Thẻ napas của Ngân hàng A, số thẻ: 9704053053774872 mang tên HOANG THỊ T.

(*Vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 29 tháng 11 năm 2023*).

4. Về án phí: Các bị cáo Hồng Văn T, Nguyễn Văn S mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại bà Đặng Việt T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Hoàng Thị T vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- PV06, PC01 CA tỉnh Lạng Sơn;
- Cục THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Các bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: VT, Tổ HCTP, THS, HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Thị Nguyệt